TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2-NGHỆ AN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 42/2026/HNGĐ - ST
Ngày: 30 - 3 - 2026
V/v tranh chấp ly hôn,
nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Hồng và ông Nguyễn Đức Dũng

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Ngọc Hiếu – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 - Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân dân khu vực 2 - Nghệ An tham gia phiên tòa: Ông Trần Hoàng Thắng - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân dân khu vực 2 - Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 20/2026/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 01 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2026/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Vũ Hoàng N, sinh năm 1990. Số CCCD: 068190004298. Địa chỉ: xóm Đ, xã H, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Văn P, sinh năm 1985. Số CCCD: 040085011003. Địa chỉ: xóm Đ, xã H, tỉnh Nghệ An. Hiện đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam X (Cục C – Bộ C1). Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án - nguyên đơn chị Nguyễn Vũ Hoàng N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Vũ Hoàng N và anh Nguyễn Văn P lấy nhau trên cơ sở tự nguyện có tìm hiểu và có đăng ký kết hôn lại tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng vào ngày 22 tháng 12 năm 2007. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau bình thường. Đến năm 2025 thì phát sinh mâu thuẫn do anh Nguyễn Văn P nghiện ma tuý từ năm 2013; chị đã khuyên nhủ nhiều lần nhưng anh P không từ bỏ mà vẫn tiếp tục sử dụng ma tuý. Đến tháng 7/2025, anh P bị Công an bắt và Toà án xét xử mức hình phạt 04 năm 06 tháng tù về tội ma tuý. Chị N đề nghị Toà án giải quyết cho chị N được ly hôn anh P.

Về con chung: Vợ chồng chị Nguyễn Vũ Hoàng N và anh Nguyễn Văn P có 02 con chung là Nguyễn Thị Hoài T, sinh ngày 18/4/2008 và Nguyễn Duy M, sinh ngày 29/01/2013. Khi ly hôn, chị đề nghị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con chung. Không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn - anh Nguyễn Văn P trình bày: Anh và chị Nguyễn Vũ Hoàng N lấy nhau trên cơ sở tự nguyện có tìm hiểu và có đăng ký kết hôn lại tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng vào ngày 22 tháng 12 năm 2007. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau tại xóm Đ, xã H, tỉnh Nghệ An. Anh thấy mâu thuẫn vợ chồng bình thường. Tuy nhiên, đến tháng 7/2025, anh P bị Công an bắt và Toà án khu vực 1 – Nghệ An xét xử mức hình phạt 04 năm 06 tháng tù về tội Mua bán trái phép chất ma tuý. Chị N yêu cầu giải quyết ly hôn thì anh không đồng ý. Nhưng nếu chị N nhất quyết yêu cầu ly hôn, không chịu đoàn tụ khi anh được ra tù thì anh cũng đồng ý ly hôn chị N.

Về con chung: Vợ chồng anh có 02 con chung là Nguyễn Thị Hoài T, sinh ngày 18/4/2008 và Nguyễn Duy M, sinh ngày 29/01/2013. Khi ly hôn, anh đề nghị giao con cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh Nguyễn Văn P không yêu cầu Tòa án giải quyết. Không giải quyết cấp dưỡng nuôi con.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2- Nghệ An phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký; Hội đồng xét xử đã thực hiện hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 56, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình; đề nghị Hội đồng xét xử tuyên: Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Vũ Hoàng N được ly hôn với anh Nguyễn Văn P. Về con chung: Giao 02 con chung là Nguyễn Thị Hoài T, sinh ngày 18/4/2008 và Nguyễn Duy M, sinh ngày 29/01/2013 cho chị Nguyễn Vũ Hoàng N được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Về vấn đề cấp dưỡng, đương sự không yêu cầu nên không xem xét. Về tài sản chung, nợ chung: đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Về án phí: theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án Hôn nhân và Gia đình có bị đơn đăng ký hộ khẩu tại xóm Đ, xã H, tỉnh Nghệ An. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 – Nghệ An.

Nguyên đơn, bị đơn đã được tống đạt hợp lệ. Nguyên đơn có đề nghị giải quyết vắng mặt, bị đơn hiện đang chấp hành án phạt tù và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Tòa án căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiếp tục xét xử vắng mặt của đương sự.

[2] Xét nội dung vụ án và các ý kiến, yêu cầu của đương sự:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Vũ Hoàng N và anh Nguyễn Văn P kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng vào ngày 22 tháng 12 năm 2007 và được Ủy ban nhân dân xã H, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng (nay là xã H, tỉnh Lâm Đồng) cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 177/Quyển số 01/2007. Căn cứ vào Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2004 thì hôn nhân của chị N và anh P là hợp pháp.

Chị N trình bày: Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau bình thường. Đến năm 2025 thì phát sinh mâu thuẫn do anh Nguyễn Văn P nghiện ma tuý từ năm 2013; chị đã khuyên nhủ nhiều lần nhưng anh P không từ bỏ mà vẫn tiếp tục sử dụng ma tuý. Đến tháng 7/2025, anh P bị Công an bắt và Toà án xét xử mức hình phạt 04 năm 06 tháng tù về tội ma tuý.

Anh P cho rằng mâu thuẫn vợ chồng bình thường. Tuy nhiên anh thừa nhận việc vào tháng 7/2025 anh đã bị Toà án xét xử mức hình phạt 04 năm 06 tháng tù về tội Mua bán trái phép chất ma tuý và hiện nay đang chấp hành án phạt tù. Anh không đồng ý ly hôn, nhưng nếu chị N nhất quyết yêu cầu ly hôn thì anh đồng ý.

Như vậy, giữa chị N và anh P mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình cho chị N được ly hôn anh P.

[2.2] Về con chung: Căn cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như lời khai của đương sự thì thấy: Chị Nguyễn Vũ Hoàng N, anh Nguyễn Văn P có 02 con chung là Nguyễn Thị Hoài T, sinh ngày 18/4/2008 và Nguyễn Duy M, sinh ngày 29/01/2013; Khi ly hôn, chị N, anh P đều có nguyện vọng giao 02 con chung cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Việc thỏa thuận này là tự nguyện; hiện tại cả 02 con chung đều đang được chị N trực tiếp chăm sóc đảm bảo, không có hành vi ngược đãi con chung; anh P hiện đang chấp hành án phạt tù và các con chung có nguyện vọng được trực tiếp ở với chị N. Do vậy, cần giao cả 02 con chung cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng sau khi ly hôn là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do anh Nguyễn Văn P, chị Nguyễn Vũ Hoàng N không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Vũ Hoàng N, anh Nguyễn Văn P không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn chị Nguyễn Vũ Hoàng N phải chịu án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 56, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Khoản 1 Điều 28, Điều 35; khoản 1 Điều 228; Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Bộ luật Tố tụng dân sự sửa đổi năm 2025;

- Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Vũ Hoàng N được ly hôn anh Nguyễn Văn P

2. Về con chung: Giao 02 con chung là Nguyễn Thị Hoài T, sinh ngày 18/4/2008 và Nguyễn Duy M, sinh ngày 29/01/2013 cho chị Nguyễn Vũ Hoàng N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Nguyễn Văn P.

Anh Nguyễn Văn P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích mọi mặt của con, khi có lý do chính đáng hoặc có căn cứ theo quy định của pháp luật, theo yêu cầu của một hoặc các bên thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Vũ Hoàng N phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0000173 ngày 09/01/2026 của Phòng thi hành án dân sự khu vực 2-Nghệ An. Chị N đã nộp đủ án phí.

5. Đương sự có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND khu vực 2-Nghệ An;
- UBND xã Hiệp Thạnh, tỉnh Lâm Đồng;
- Phòng THADS khu vực 2;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hoa